

THÔNG BÁO

(V/v: Thu học phí năm học 2025 - 2026 và phí ghi danh vào năm thứ ba)

Trường Đại học Thương mại thông báo thu học phí năm học 2025 - 2026 và phí ghi danh vào năm thứ ba các lớp Cử nhân quốc tế khóa 20 thuộc Viện Đào tạo quốc tế quản lý như sau:

- Mức thu học phí và phí ghi danh của các lớp CN20 năm thứ ba tính theo tỷ giá ngoại tệ của ngân hàng ngoại thương ngày 27/08/2025, cụ thể trong bảng kèm theo.
- Thời gian nộp: **Từ 03/09/2025 đến 30/09/2025**
- Địa điểm nộp học phí: Văn phòng Viện Đào tạo quốc tế, trường Đại học Thương mại, phòng 108 nhà T (giờ hành chính)

Hoặc sinh viên có thể chuyển khoản học phí vào tài khoản của trường theo cú pháp:

- Ngân hàng thụ hưởng: BIDV
- Tài khoản thụ hưởng: **963838MSV** (trong đó: **963838** là mã định danh của sinh viên hệ liên kết quốc tế; **MSV** là mã sinh viên) => ấn “kiểm tra tên” => hệ thống hiển thị tên người hưởng là TÊN SINH VIÊN và SỐ TIỀN => SV thấy hiện đúng tên mình thì nhập CHÍNH XÁC SỐ TIỀN cần nộp => XONG

Ví dụ: sinh viên Nguyễn Văn A, MSV là 21K210000, học phí phải đóng là 20.000.000đ, khi chuyển khoản học phí sẽ nhập số tài khoản là 96383821K210000, hệ thống hiển thị HD 20000000VND_NGUYEN VAN A. Chú ý: hệ thống báo lỗi/từ chối thanh toán khi SV nhập sai số tiền.

Lưu ý:

Sinh viên cần nộp học phí đúng đủ theo thời hạn trên. Nếu sau hạn nộp, sinh viên chưa hoàn thành nghĩa vụ học phí sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần trong học kỳ 1 năm học 2025 – 2026.

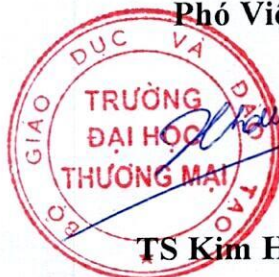
Trân trọng thông báo!

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2025

TL/ Hiệu trưởng

K.T Viện trưởng Viện ĐTQT

Phó Viện trưởng



TS Kim Hoàng Giang

**MỨC THU HỌC PHÍ VÀ PHÍ GHI DANH SINH VIÊN CỬ NHÂN QUỐC TẾ
KHÓA 20 NĂM HỌC 2025-2026**

Tỷ giá đồng EUR của ngân hàng ngoại thương (ngày 27/08/2025) 1 EUR = 31.457 VNĐ

Tỷ giá đồng GBP của ngân hàng ngoại thương (ngày 27/08/2025) 1 GBP = 36.070 VNĐ

TT	LỚP NĂM 3	HỌC PHÍ NĂM 3	PHÍ GHI DANH (EUR)	TỶ GIÁ	THÀNH TIỀN (VNĐ)	TT	LỚP NĂM 3	HỌC PHÍ NĂM 3	PHÍ GHI DANH (EUR)	TỶ GIÁ	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	CN20-DLA	2.400 EUR	198	31.457	81.725.286	10	CN20-NTA	3.300 EUR	198	31.457	110.036.586
2	CN20-ECO1	3.300 EUR	198	31.457	110.036.586	11	CN20-NSA	2.400 EUR	198	31.457	81.725.286
3	CN20-ECO2	3.300 EUR	198	31.457	110.036.586	12	CN20-STA	2.400 EUR	198	31.457	81.725.286
4	CN20-IBU	3.300 EUR	198	31.457	110.036.586	13	CN20-TNA1	2.800 EUR	198	31.457	94.308.086
5	CN20-KREMS	3.300 EUR		31.457	103.808.100	14	CN20-TNA2	2.800 EUR	198	31.457	94.308.086
6	CN20-LOG1	3.300 EUR		31.457	103.808.100	15	CN20-TUB	2.400 EUR	198	31.457	81.725.286
7	CN20-LOG2	3.300 EUR		31.457	103.808.100	16	CN20-UBA	2.400 EUR	198	31.457	81.725.286
8	CN20-MAR	2.800 EUR		31.457	88.079.600	17	CN20-UBOM	3.300 EUR	198	31.457	110.036.586
9	CN20-MPP	2.800 EUR	198	31.457	94.308.086	18	CN19-UWED	3.500 GBP		36.070	126.245.000

TL/HIỆU TRƯỞNG
KT. VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐTQT
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



KIM HOÀNG GIANG